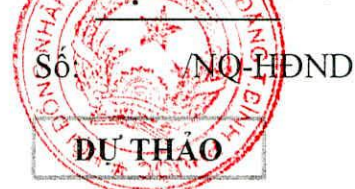


HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương năm 2022.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2021;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021 của HĐND huyện Bù Đăng về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua danh mục kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày tháng năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022, với các nội dung như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn: 152.236 triệu đồng.

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn).

Cụ thể như sau:

a. Phân theo vốn.

- Vốn phân cấp: 31.500 triệu đồng.
- Vốn sử dụng đất: 120.736 triệu đồng.

Trong đó:

- + Vốn sử dụng đất cấp huyện: 111.935 triệu đồng.
- + Vốn sử dụng đất cấp xã: 8.801 triệu đồng.

2. Vốn đầu tư công cấp huyện: 143.435 triệu đồng.

Bao gồm:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 62.814 triệu đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới: 66.621 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư năm 2023: 2.000 triệu đồng.
- Thanh toán các công trình quyết toán: 5.000 triệu đồng.
- Dự phòng: 7.000 triệu đồng.

a. Phân theo lĩnh vực đầu tư:

- Lĩnh vực hành chính: 10.300 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 51.534 triệu đồng.
- Lĩnh vực giáo dục: 67.601 triệu đồng.
- Lĩnh vực khác: 14.000 triệu đồng.

b. Phân theo vốn đầu tư

- Vốn phân cấp: 31.500 triệu đồng.
- Vốn sử dụng đất: 111.935 triệu đồng.

(Kèm theo bảng chi tiết danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của HĐND huyện Bù Đăng)
DỰ THẢO

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG	408.573	156.616	152.236	31.500	120.736	
A	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CẤP HUYỆN	399.772	156.616	143.435	31.500	111.935	-
I	TTKL các công trình năm 2021 chuyển tiếp	260.622	156.616	62.814	31.500	31.314	
I.1	Lĩnh vực giáo dục	236.667	143.597	51.878	22.210	29.668	
1.1	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới), xã Bình Minh	23.500	22.350	254	254		
1.2	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	20.000	18.000	1.772	1.772		
1.3	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai, xã Bình Minh	20.000	17.500	365	365		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
1.4	Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, xã Minh Hưng	30.000	24.409	2.658	2.658		
1.5	Xây dựng 10 phòng lều Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái (điểm thôn 5), xã Đồng Nai	6.000	3.000	3.000	2.413	587	
1.6	Xây dựng 2 phòng học, 2 phòng chức năng (điểm Sơn Thọ) Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	2.400	2.104	296	296	-	
1.7	Xây dựng 6 phòng lều Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đắk Nhau	3.600	3.271	329	329	-	
1.8	Mua sắm trang thiết bị Khối phòng học cấp II xã Bom Bo, huyện Bù Đăng	2.800	-	2.800	1.000	1.800	
1.9	Xây dựng 8 phòng học lều Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	4.800	2.200	2.600	2.600		
1.10	Xây dựng 04 phòng học (điểm chính), 02 phòng học (điểm thôn 6), 02 phòng học (điểm thôn 8) Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh.	4.800	2.200	2.600	2.600		
1.11	Xây dựng 10 phòng học lều và hạng mục phụ san lắp mặt bằng Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	6.500	3.600	2.900	1.500	1.400	
1.12	Xây dựng 4 phòng lều (điểm Bù Xa) Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn	2.400	2.337	63		63	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
1.13	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất	14.900	6.831	8.069	5.000	3.069	
1.14	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 6) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai	600	561	39		39	
1.15	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau	6.000	234	5.766	723	5.043	
1.16	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	700	-	700	700	-	
1.17	Xây dựng 8 phòng học và 06 phòng bộ môn Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu	9.800	4.117	1.960		1.960	
1.18	Xây dựng 16 phòng học Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn	10.277	4.541	2.277		2.277	
1.19	Xây dựng 18 phòng học Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong	14.990	6.613	2.050		2.050	
1.20	Xây dựng 15 phòng học THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất	10.500	4.178	2.100		2.100	
1.21	Xây dựng 02 phòng học Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất	1.400	674	140		140	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
1.22	Xây dựng 12 phòng học lầu Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	8.400	3.332	840		840	
1.23	Xây dựng 10 phòng học lầu, 10 phòng bộ môn trường THCS Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	14.000	5.608	4.000		4.000	
1.24	Xây dựng 18 phòng học Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất	12.000	3.360	3.040		3.040	
1.25	Xây dựng 3 phòng học và 6 phòng bộ môn Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đắk Nhau	6.300	2.576	1.260		1.260	
I.2	Lĩnh vực giao thông	6.955	4.519	2.436	1.700	736	
2.1	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài	3.955	2.519	1.436	1.000	436	
2.2	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, xã Minh Hưng (giai đoạn 2)	3.000	2.000	1.000	700	300	
I.3	Lĩnh vực hành chính	17.000	8.500	8.500	7.590	910	
3.1	Xây dựng Trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới	17.000	8.500	8.500	7.590	910	
II	Chuẩn bị đầu tư năm 2023		-	2.000	-	2.000	
III	Thanh toán các công trình quyết toán		-	5.000	-	5.000	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
IV	Dự phòng đầu tư công			7.000		7.000	
V	Các công trình khởi công mới năm 2022	139.150	-	66.621	-	66.621	
V.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	54.700	-	49.098	-	49.098	
1	Xâm nhập nhựa tuyến đường thôn 6 đi thôn 7, xã Đoàn Kết	5.700		5.100		5.100	
2	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đường từ thôn Sơn Lợi đi Sơn Hòa, xã Thọ Sơn	3.900		3.500		3.500	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn từ khu 21 hộ thôn Đak La đi thôn Đak Xuyên, xã Đăk Nhau	5.400		4.800		4.800	
4	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ ngã ba ông Thoại đi xã Đắc Lua, huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai, xã Đăng Hà	8.700		7.788		7.788	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường DT755 ấp 5 - Nghĩa trang - ấp 4, xã Phước Sơn	5.100		4.600		4.600	
7	Xây dựng bãi tập kết chôn lấp rác thải cụm xã Phước Sơn - Thống Nhất - Đăng Hà	4.000		3.600		3.600	
8	Xây dựng bãi tập kết chôn lấp rác thải cụm xã Đăk Nhau - Đường 10	4.000		3.600		3.600	
9	Xây dựng bãi tập kết chôn lấp rác thải cụm xã cụm xã Bình Minh - Bom Bo	4.000		3.600		3.600	
10	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn 7 đi thôn 10 (đoạn bên dõ), xã Bom Bo	4.900		4.410		4.410	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
11	Xây dựng vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước đường nội bộ KDC Đức Lập	6.000		5.400		5.400	
12	Xây dựng hạ tầng khu đất mở rộng Nghĩa trang nhân dân thị trấn Đức Phong	3.000		2.700		2.700	
V.2	Lĩnh vực giáo dục	82.450	0	15.723	0	15.723	
1	XD 04 phòng học điểm thôn 2 và thôn 6 trường TH-THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai	2.800		2.500		2.500	
2	Xây dựng 4 phòng học (2 điểm lẻ) Trường TH Đoàn Kết, Xã Đoàn Kết	2.800		2.500		2.500	
3	Xây dựng 10 phòng học, 6 phòng bộ môn (điểm chính), các phòng và hạng mục khác trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	14.500		400		400	
4	Xây dựng 06 phòng học, 06 phòng bộ môn và các hạng mục khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	11.100		300		300	
5	Xây dựng 8 phòng học, 2 phòng bộ môn và các hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà	10.100		300		300	
6	XD 02 phòng học điểm lẻ Sơn Lang và 01 phòng học điểm lẻ Sơn Tân Trường MG Hướng Dương, xã Phú Sơn	2.550		150		150	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
7	Xây dựng 08 phòng học lầu, 06 phòng bộ môn Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức Phong	11.000		300		300	
8	Xây dựng 6 phòng học và 02 phòng bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường MG Phước Sơn, xã Phước Sơn	6.900		273		273	
9	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Sen, xã Đoàn Kết	20.700		9.000		9.000	
V.3	Lĩnh vực hành chính	2.000	0	1.800	0	1.800	
1	Nâng cấp sửa chữa Nhà ăn, khuôn viên Huyện ủy	2.000		1.800		1.800	
B	VỐN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ (theo tỷ lệ phân chia ngân sách)	8.801	-	8.801	-	8.801	
1	Xã Đoàn Kết	647		647		647	
2	Xã Minh Hưng	882		882		882	
3	Xã Nghĩa Trung	353		353		353	
4	Xã Thọ Sơn	588		588		588	
5	Xã Thống Nhất	1.058		1.058		1.058	
6	Xã Đồng Nai	235		235		235	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	
7	Xã Đăk Nhau	882		882		882	
8	Xã Đức Liễu	1.058		1.058		1.058	
9	Xã Đăng Hà	353		353		353	
10	Xã Bom Bo	882		882		882	
11	Xã Phước Sơn	235		235		235	
12	Xã Phú Sơn	294		294		294	
13	Xã Nghĩa Bình	276		276		276	
14	Xã Bình Minh	470		470		470	
15	Xã Đường 10	588		588		588	